

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/DS-ST
Ngày 29-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Du
- Ông Trần Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân Hàng TMCP N (N Bank); Địa chỉ trụ sở chính: 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Phường 4, Quận 3, Thành Phố M.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994, địa chỉ liên hệ: Số 489 Lý Thường K, phường 8, quận T, Thành phố M, là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 11/4/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1973; địa chỉ: 62 đường Lò L, Tổ 32, Khu 8, phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1943. Địa chỉ: 62 đường Lò L, Tổ 32, Khu 8, phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

- Ông Võ Văn Thanh, sinh năm 1933. Địa chỉ: 62 đường Lò L, Tổ 32, Khu 8, phường Tương Bình, thành phố M tỉnh B. Vắng mặt.

- Ông Võ Văn V, sinh năm 1968. Địa chỉ: 62 đường Lò L, Tổ 32, Khu 8, phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày:

Ngân Hàng TMCP – chi nhánh B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng N) ký kết với bà Nguyễn Ngọc H các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0780/2020/702-CV ký ngày 07/08/2020; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0780/2020/702-CV ký ngày 12/08/2020, cụ thể như sau: Số tiền vay: 2.450.000.000 đồng (*Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 120 tháng. Lãi suất: lãi suất 12,5%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay: Sửa chữa nhà để ở tại thửa đất số 1006, tờ bản đồ số 05-2 thuộc phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B. Bà H đã thanh toán nợ gốc 755.448.874 đồng, 900.238.552 đồng tiền nợ lãi và 2.908.647 đồng tiền lãi chậm trả lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo hợp đồng. Tính đến ngày 29/8/2024 bà H còn nợ số tiền 2.046.055.697 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.694.551.126 đồng; lãi trong hạn: 218.333.511 đồng; lãi quá hạn: 124.553.871 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 8.617.189 đồng.

- Hợp đồng tín dụng từng lần số 0495/2022/702-TD-CV ký ngày 10/10/2022; Giấy nhận nợ số: 01/GNN-0495/2022/702-TD-CV ký ngày 11/10/2022, cụ thể như sau: Số tiền vay: 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Thời hạn vay: 11 tháng. Lãi suất: lãi suất 11,5%/năm. Lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình trong nước. Bà H đã thanh toán 15.893 đồng tiền nợ gốc, 29.901.370 đồng tiền nợ lãi và 57.425 đồng tiền lãi chậm trả lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn theo hợp đồng nêu trên. Tính đến ngày 29/8/2024 bà H còn nợ số tiền 294.765.207 đồng, trong đó: Nợ gốc: 239.984.107 đồng; lãi trong hạn: 1.699.068 đồng; lãi quá hạn: 52.917.711 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 164.321 đồng.

- Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0192/2023/702-TD-CV ký ngày 01/07/2023, cụ thể như sau: Hạn mức thấu chi: 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*). Thời hạn cấp hạn mức thấu chi: 12 tháng. Lãi suất: 16,5%/năm và cố định trong suốt thời hạn của hạn mức thấu chi. Mục đích vay: Mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình trong nước. Bà H đã sử dụng 473.804.133 đồng trong thời gian được cấp hạn mức thấu chi, đã thanh toán 78.900.000 đồng. Tính đến ngày 29/8/2024 bà H còn nợ số tiền 491.025.826 đồng, trong đó: Nợ gốc: 394.904.133 đồng; lãi trong hạn: 56.768.823 đồng; lãi quá hạn: 37.488.845 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.864.025 đồng.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0575/2022/702-CV ký ngày 17/10/2022, theo đó, Ngân hàng Nam Á phát hành cho bà Võ Ngọc H 03 thẻ tín dụng có số khế ước lần lượt là 370204841220006O, 670204841220004O, 770204841220005O với tổng hạn mức là 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 29/8/2024 bà H còn nợ số tiền: 149.352.781 đồng. Trong đó:

Thẻ tín dụng có số khế ước 370204841220006O: Nợ gốc: 25.401.257 đồng; Nợ lãi: 14.781.733 đồng; Phí: 999.976 đồng, tổng cộng: 41.182.966 đồng.

Thẻ tín dụng có số khế ước 770204841220005O: Nợ gốc: 34.538.322 đồng; Nợ lãi: 17.741.519 đồng; Phí: 2.842.808 đồng, tổng cộng: 55.122.649 đồng.

Thẻ tín dụng có số khế ước 770204841220004O: Nợ gốc: 35.339.111 đồng; Nợ lãi: 16.895.032 đồng; Phí: 813.023 đồng, tổng cộng: 53.047.166 đồng.

Để bảo đảm cho các khoản vay nêu trên, bà Võ Ngọc H đã ký kết với Ngân hàng N hợp đồng thế chấp tài sản số 0266/2020/702-BĐ ngày 07/8/2020; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/SĐ-0266/2020/702-BĐ ngày 05/10/2021; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 02/SĐ-0266/2020/702-BĐ ngày 10/10/2022; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 03/SĐ-0266/2020/702-BĐ ngày 01/07/2023. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 194,9 m² thuộc thửa đất số: 3465, tờ bản đồ số: 10-7 tại phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 580199, số vào sổ cấp GCN: CH00413 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) tỉnh B cấp ngày 22/7/2010 đứng tên bà Võ Ngọc H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Phú T, số công chứng 6753, quyền số 08TP/CC-SCCC/HĐGD, ngày 07/8/2020 và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhiều lần. Tính đến ngày 29/8/2024, bà H còn nợ số tiền 2.981.199.511 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.424.718.056 đồng; lãi trong hạn: 326.219.686 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 10.645.535 đồng; lãi quá hạn: 214.960.427 đồng và phí phạt thẻ tín dụng: 4.655.807 đồng.

Do đó, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền vay còn nợ và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong các khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 194,9 m² thuộc thửa đất số 3465, tờ bản đồ số: 10-7 tại phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 580199, số vào sổ cấp GCN: CH00413 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) tỉnh B ngày 22/7/2010 đứng tên bà Võ Ngọc H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Phú T, số công chứng 6753, quyền số 08TP/CC-SCCC/HĐGD, ngày 07/8/2020. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thu hồi nợ thì Ngân hàng N yêu cầu bà H tiếp tục nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn bà Võ Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 26/7/2024 và tham gia phiên tòa vào các ngày 19/8/2024 và ngày 29/8/2024 nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Võ Văn Th và ông Võ Văn V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh B phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Võ Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Võ Văn T và ông Võ Văn V không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Quang T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Võ Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, ông Võ Văn T và ông Võ Văn V đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0780/2020/702-CV ký ngày 07/08/2020; Hợp đồng tín dụng từng lần số 0495/2022/702-TD-CV ký ngày 10/10/2022; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0192/2023/702-TD-CV ký ngày 01/07/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0575/2022/702-CV ký ngày 17/10/2022 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh B với bà Võ Ngọc H là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng N- Chi nhánh B với bà H thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng

N đã giải ngân cho bà Hạnh số tiền vay theo các hợp đồng nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhiều lần. Tính đến ngày 29/8/2024, bà H còn nợ số tiền 2.981.199.511 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.424.718.056 đồng; lãi trong hạn: 326.219.686 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 10.645.535 đồng; lãi quá hạn: 214.960.427 đồng và phí phạt thẻ tín dụng: 4.655.807 đồng. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả nợ gốc và lãi quá hạn phát sinh là có căn cứ.

[2.2] Về xử lý tài sản bảo đảm: Để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nêu trên, bà H thế chấp cho Ngân hàng N quyền sử dụng đất diện tích 194,9 m² thuộc thửa đất số: 3465, tờ bản đồ số: 10-7 tại phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 580199, số vào sổ cấp GCN: CH00413 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) tỉnh B cấp ngày 22/7/2010 đứng tên bà Võ Ngọc H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Phú T, số công chứng 6753, quyền số 08TP/CC-SCCC/HĐGD, ngày 07/8/2020. Qua xem xét thực tế, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 kết cấu tường gạch xây tô, cửa sắt+kính, mái tole, nền gạch men, trần nhựa, phía trước nhà lát gạch men, 01 mái che tole khung sắt, 01 cổng sắt. Do đó, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nói trên sẽ được xử lý trong trường hợp bà H không có khả năng trả nợ theo quy định của khoản 3 Điều 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/01/2012 của Chính phủ.

[2.4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Đương sự phải chịu theo quy định.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Ngọc H phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng N theo quy định của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 147, 157, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 56, 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/01/2012 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank) đối với bị đơn bà Võ Ngọc H.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc bà Võ Ngọc H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank) số nợ phát sinh từ Hợp đồng dư nợ giảm dần số 0780/2020/702-CV ký ngày 07/08/2020; Hợp đồng tín dụng từng lần số 0495/2022/702-TD-CV ký ngày 10/10/2022; Hợp đồng hạn mức thấu chi số 0192/2023/702-TD-CV ký ngày 01/07/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0575/2022/702-CV ký ngày 17/10/2022 tính đến ngày 29/8/2024 là 2.981.199.511 đồng, trong đó: Nợ gốc 2.424.718.056 đồng; lãi trong hạn: 326.219.686 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 10.645.535 đồng; lãi quá hạn: 214.960.427 đồng và phí phạt thẻ tín dụng: 4.655.807 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 30/8/2024 cho đến khi bà Võ Ngọc H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Võ Ngọc H không có khả năng tự nguyện thanh toán nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank) được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 194,9 m² thuộc thửa đất số: 3465, tờ bản đồ số: 10-7 tại phường Tương Bình H, thành phố M, tỉnh B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 580199, số vào sổ cấp GCN: CH00413 do Ủy ban nhân dân thị xã M (nay là thành phố M) tỉnh B cấp ngày 22/7/2010 đứng tên bà Võ Ngọc H. Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Phú T, số công chứng 6753, quyền số 08TP/CC-SCCC/HĐGD, ngày 07/8/2020. Trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thu hồi nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ Phần (N Bank) có quyền yêu cầu bà Võ Ngọc H tiếp tục trả nợ cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank)

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Ngọc H phải nộp 91.623.990 đồng (Chín mươi một triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn chín trăm chín mươi đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank) số tiền 42.316.000 đồng (bốn mươi hai triệu ba trăm mười sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002592 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh B.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Võ Ngọc H phải chịu 500.000 đồng. Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N Bank) đã nộp tạm ứng, bà Võ Ngọc H có trách nhiệm thanh toán lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần N (N bank) số tiền 500.000 đồng.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. M;
- CCTHADS TP. T M;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

